TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HS-ST
Ngày: 30-8-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Bữu Hòa;

Ông Thạch Hùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Màu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Sơn Minh H, sinh ngày 09/6/1984, tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: KhómB2, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sơn H và bà Ngô Thị Thúy Ng; vợ: Không có và 01 người con sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự (Ngày 26/6/2019 bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính "Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc", theo quyết định số 140/QĐ-TA, thời hạn 01 năm kể từ ngày 17/4/2019 đến 17/4/2020 bị cáo chấp hành xong; nhân thân: Xấu; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/4/2022 đến ngày 02/4/2022 chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

- *Bị hại:* Anh **Lê Văn D**, sinh năm 1968 và chị **Ngô Thị Ng**, sinh năm 1966 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Ch, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Anh **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1966 (vắng mặt);

2/ Anh **Nguyễn Hoàng N**, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã Ng, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

3/ Anh **Trương Văn D**, sinh năm 1986 (vắng mặt);

4/ Anh **Lâm Sô Ph**, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5/ Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Nơi ĐKTT: Ấp Tr, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6/ Ông **Lý Tấn Th**, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ch, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

7/ Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Nơi ĐKTT: phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Chổ ở: phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

8/ Chị Nguyễn Thị Phượng H, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ph, thị trấn C, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

9/ Anh Trần V, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tr, xã Kh, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

10/ Chị **Đặng Thị Thu T**, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tr, xã Kh, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người phiên dịch tiếng Khmer*: Ông **Thạch Thia Ri** – Giáo viên hưu trí (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo từ tỉnh Sóc Trăng đến ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh thuê một căn nhà của ông Lý Tấn Th để bị cáo tìm việc làm. Vào khoảng 08 giờ ngày 29/3/2022 bị cáo điều khiển xe 83L1-0875 đi lên thành phố Trà Vinh để nhận việc làm đóng thạch cao trần nhà thuê, bị cáo đi từ thành phố Trà Vinh về nhà ở huyện Trà Cú khi đi ngang cống Hiếu Tử thì bị cáo rẻ trái vào đường nhựa thuộc Ấp Ch,

xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh khoảng 50 mét, bị cáo phát hiện tiệm sửa chữa máy dầu của anh Lê Văn D, sinh năm 1968, địa chỉ Ấp Ch, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh có rất nhiều máy dầu cũ và sắt vụn để ở hành lang trước tiệm, bị cáo nảy sinh ý định sẽ đột nhập vào để trộm cắp tài sản, sau đó bị cáo chạy về nhà ở huyện Trà Cú. Đến khoảng 00 giờ ngày 30/3/2022 bị cáo lấy hai giỏ nhựa đan, một sợi dây dù rồi bị cáo điều khiển xe 83L1 – 0875 đi đến tiệm của anh D để trộm cắp tài sản gồm: Hai càn căn xích của máy cắt lúa DC70, một cục đe bằng gang. Sau khi lấy trộm tài sản bị cáo bỏ vào một giỏ nhựa đan rồi bị cáo để lên baga trước của xe, sau đó, bị cáo tiếp tục lấy trộm 01 (một) máy dầu, loại D6 – 175A, do Trung Quốc sản xuất, máy đã qua sử dụng (không thùng chứa dầu, không thùng chứa nước, không Bô E, không Bô lửa, không tay quay, không ống bơm dầu) được để ở hành lang nhà trước của anh D rồi bị cáo để máy dầu lên yên xe rồi lấy một giỏ nhựa đan đậy máy dầu lại rồi lấy dây dù buộc lại, lúc này bị cáo phát hiện nhiều máy dầu, sắt vụn (sắt phế liệu) trong tiệm của anh D nhưng bị cáo không có phương tiện để chở toàn bộ máy dầu và sắt vụn nên bị cáo chở một máy dầu, một hộp nhong, một cục đe, hai càn căn xích về nhà của bị cáo và bị cáo dự định sẽ quay trở lại nhà của anh D để trộm cắp tiếp. Khi bị cáo về đến nhà của bị cáo (nơi bị cáo thuê của ông Thành) thì bị cáo đem máy dầu cất giấu trong nhà, còn một giỏ nhựa đan đựng một hộp nhong, một cục đe, hai càn căn xích được bị cáo lấy để lên xe kéo tự chế (xe cẩm lô) rồi bị cáo điều khiển xe 83L1-0875 kéo theo một xe cẩm lô tiếp tục đi đến tiệm sữa chữa máy của anh D để lấy trộm tài sản. Đến khoảng 02 giờ 35 phút cùng ngày, bị cáo tiếp tục trộm cắp tài sản gồm: 03 (ba) cái máy dầu, loại D6 – 175A, do Trung Quốc sản xuất, máy đã qua sử dụng (không thùng chứa dầu, không thùng chứa nước, không Bô E, không Bô lửa, không tay quay, không ống bơm dầu) được để ở hành lang nhà trước của anh D và 60 kg sắt phế liệu bỏ vào một giỏ nhựa đan rồi để lên xe cẩm lô. Sau đó, bị cáo lấy miếng nhựa cao su đậy lại rồi dùng dây dù buộc lại. Sau đó bị cáo điều khiển xe kéo theo xe cẩm lô đựng tài sản mà bị cáo vừa trộm gồm: 03 (ba) cái máy dầu, 60kg sắt phế liệu, một hộp nhong, một cục đe, hai càn căn xích đi đến tiệm thu mua phế liệu của anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986, địa chỉ: Khóm B, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bán được số tiền là 3.496.000 đồng nhưng anh Tuấn đưa chẵn cho bị cáo số tiền là 3.500.000 đồng. Sau khi bán tài sản trộm được, bị cáo ghé vào tiệm điện cơ, tại chợ phường 1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (không xác định chủ tiệm) bị cáo dùng số tiền này để mua 03 (ba) máy khoan cũ, trong đó: Một máy khoan màu đỏ, không hiệu; một máy khoan màu xanh dương, hiệu Hyundai và một máy khoan màu xanh đen, hiệu BOSCH, với số tiền là 1.500.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, bị cáo điều khiển xe kéo theo xe cẩm lô về nhà của bị cáo thuê địa chỉ ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 01/4/2022 bị cáo lấy hai giỏ nhựa đan và dây dù rồi bị cáo điều khiển xe 83L1 – 0875 đi trộm cắp tài sản gồm: 01 (một) máy dầu, loại D, đã qua sử dụng của anh Huỳnh Văn B, sinh năm 1966, địa chỉ Ấp M,

xã Ng, huyện D, tỉnh Trà Vinh; Một đoạn sắt đặc hình trụ cân nặng 20kg của anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1972, địa chỉ Ấp M, xã Ng, huyện D, tỉnh Trà Vinh, sau đó, bị cáo đem máy dầu và đoạn sắt đi về cất giấu tại nơi bị cáo thuê để ở. Đến khoảng 12 giờ ngày 01/4/2022 bị cáo điều khiển xe 83L1 – 0875 chở một máy dầu trộm được của anh Huỳnh Văn B đi thành phố Trà Vinh để tìm chỗ tiêu thụ. Khi bị cáo đi đến ấp Lò Ngò, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh thì bị cáo bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần phát hiện và giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Tại bản kết luận 03/KL.HĐ ngày 05/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiểu Cần kết luận như sau:

Tài sản bị cáo trộm cắp lần thứ nhất gồm: Giá trị 01 (một) máy dầu D6 có giá 3.300.000 đồng/cái, giá trị còn lại là 3.300.000 đồng x 50% = 1.650.000 đồng. Giá trị 01 (một) hộp nhong bằng sắt tự chế của máy cuốn rơm, có giá 3.500.000 đồng/cái; giá trị còn lại là: 3.500.000 đồng x 70% = 2.450.000 đồng. Giá trị 01 kg gang thành phẩm là 28.000 đồng/kg, thành tiền: 20 kg x 28.000 đồng/kg = 560.000 đồng. Giá trị 01 (một) càn căn xích của máy lúa DC70 có giá là 500.000 đồng/cây (càn), giá trị còn lại là: (500.000 đồng x 70%) x 02 cây = 700.000 đồng. Giá trị 01 (một) cây tăng đưa càn căn xích của máy lúa DC70 có giá là 200.000 đồng/cây, giá trị còn lại: 200.000 đồng/cây x 70% = 140.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị mất trộm lần thứ nhất là 5.500.000 đồng.

Tài sản bị cáo trộm cắp lần thứ hai gồm:

- Giá trị 01 (một) máy dầu D6 có giá 3.300.000 đồng/cái, giá trị còn lại: (9.900.000 đồng x 50%) x 03 cái = 4.950.000 đồng. Giá trị 01 kg sắt phế liệu có giá 10.000 đồng/kg, thành tiền: 10.000 đồng/kg x 60kg = 600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị mất trộm lần thứ hai là 5.550.000 đồng.

Như vậy tổng cộng giá trị tài sản mà bị cáo H lấy trộm của anh Lê Văn D và bà Lê Thị Nga là 11.050.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 11/KL-HDĐG ngày 06/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh kết luận: Một máy dầu D và một ống sắt đặc hình trụ mà bị cáo H lấy trộm vào đêm 31/3/2022 rạng 01/4/2022 của anh Huỳnh Văn B và Nguyễn Hoàng N có tổng giá trị là 588.000 đồng (Trong đó một máy dầu D giá trị là 448.000 đồng và một ống sắt đặc hình trụ giá trị là 140.000 đồng).

Khi phát hiện tài sản của mình bị mất trộm bị hại đã trình báo cơ quan Công an. Qua làm việc, bị cáo đã thừa nhận do không có tiền mua đồ nghề làm thuê và tiêu xài nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Về vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) máy dầu loại D6 là tài sản của anh Lê Văn D;

- 01 máy dầu, loại D của anh Huỳnh Văn B.

- 01 (một) xe mô tô, hiệu YAMAHA, kiểu Sirius, biển số 83L1 – 0875, màu đen, số khung 6308Y126678, số máy 5C63126678, do chị Nguyễn Thị Phượng H đứng tên trên giấy nhận đăng ký xe mô tô, xe máy.

- 03 (ba) máy khoan tường bê tông, trong đó: 01 (một) máy khoan màu đỏ không hiệu, 01 (một) máy khoan màu xanh dương hiệu Hyundai, 01 (một) máy khoan màu xanh đen hiệu BOSCH.

- 01 (một) đoạn ống sắt đặc hình trụ cân nặng 20 kg là tài sản của anh Nguyễn Hoàng N.

- 01 (một) xe kéo tự chế loại 02 bánh (xe cẩm lô); 02 (hai) giỏ nhựa đan, trong đó: 01 (một) giỏ nhựa đan màu đỏ đen; 01 (một) giỏ nhựa đan màu xanh, vàng, đỏ; 02 (hai) sợi dây dù màu xanh; 01 (một) quần Jean màu xanh; 02 (hai) áo khoác nam, trong đó: 01 (một) áo khoác kaki màu đen, 01 (một) áo khoác dù màu đỏ nâu; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xám; 01 (một) nón kết màu đen.

Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu như sau: Trả cho anh Lê Văn D một máy dầu D6; trả cho anh Huỳnh Văn B một máy dầu D đã bị rỉ xét, đã qua sử dụng; trả cho anh Nguyễn Hoàng N một đoạn ống sắt đặc hình trụ cân nặng 20 kg.

Vật chứng đang tạm giữ gồm:

- 01 (một) xe mô tô, hiệu YAMAHA, kiểu Sirius, biển số 83L1 – 0875, màu đen, số khung 6308Y126678, số máy 5C63126678, do chị Nguyễn Thị Phượng H đứng tên trên giấy nhận đăng ký xe mô tô, xe máy.

- 03 (ba) máy khoan tường bê tông, trong đó: 01 (một) máy khoan màu đỏ, 01 (một) máy khoan màu xanh dương hiệu Hyundai, 01 (một) máy khoan màu xanh đen hiệu BOSCH.

- 01 (một) xe kéo tự chế loại 02 bánh (xe cẩm lô); 02 (hai) giỏ nhựa đan, trong đó: 01 (một) giỏ nhựa đan màu đỏ đen, 01 (một) giỏ nhựa đan màu xanh, vàng, đỏ; 02 (hai) sợi dây dù màu xanh; 01 (một) quần Jean màu xanh; 02 (hai) áo khoác nam, trong đó: 01 (một) áo khoác kaki màu đen, 01 (một) áo khoác dù màu đỏ nâu; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xám; 01 (một) nón kết màu đen.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản do bị cáo thực hiện vào đêm ngày 31/3/2022 rạng sáng 01/4/2022 tại Ấp M, xã Ng, huyện D, tỉnh Trà Vinh với giá trị 588.000 đồng không đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*", nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Duyên Hải ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, đồng thời Trưởng Công an huyện Duyên Hải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo với số tiền 2.500.000 đồng.

Đối với anh Trần V và chị Nguyễn Thị Phượng H không biết bị cáo dùng xe mô tô, hiệu YAMAHA, kiểu Sirius, biển số 83L1 – 0875 để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với anh Nguyễn Thanh T mua tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nhưng khi mua anh Tuấn không biết tài sản do bị cáo trộm cắp, nên không có cơ sở xử lý.

Đối với anh Lý Tấn Th không biết bị cáo thuê nhà để làm nơi cất giữ tài sản trộm cắp, nên không có cơ sở xử lý.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu; bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu được nhận tài sản là 03 máy khoan tường do bị cáo lấy tiền bán tài sản của bị hại để mua và yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 7.900.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 25/CT-VKS-HS ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo Sơn Minh H về tội *"Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo Sơn Minh H.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, sau khi phân tích hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vụ án như sau:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Sơn Minh H từ 01 (một) 06 tháng đến đến 02 (hai) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2022.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Bị hại yêu cầu được quyền sở hữu 03 (ba) máy khoan tường bê tông, do bị cáo dùng tiền bán tài sản trộm cắp của bị hại mà có để mua với giá là 1.5000.000 đồng và bị cáo cũng đồng ý, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của bị cáo với bị hại.

Tịch thu vào ngân sách Nhà nước tài sản gồm: 01 (một) xe mô tô, hiệu YAMAHA, kiểu Sirius, biển số 83L1 – 0875, màu đen, số khung 6308Y126678, số máy 5C63126678, do chị Nguyễn Thị Phượng H đứng tên trên giấy nhận đăng ký xe mô tô, xe máy; 01 (một) xe kéo tự chế loại 02 bánh (xe cẩm lô).

Tịch thu tiêu hủy tài sản gồm: 02 (hai) giỏ nhựa đan, trong đó: 01 (một) giỏ nhựa đan màu đỏ đen; 01 (một) giỏ nhựa đan màu xanh, vàng, đỏ; 02 (hai) sợi dây

dù màu xanh; 01 (một) quần Jean màu xanh; 02 (hai) áo khoác nam, trong đó: 01 (một) áo khoác kaki màu đen, 01 (một) áo khoác dù màu đỏ nâu; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xám; 01 (một) nón kết màu đen.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 7.900.000 đồng và bị cáo cũng đồng ý bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của bị cáo với bị hại.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị hại anh D trình bày: Anh xin được nhận 03 máy khoan tường và anh yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền là 7.900.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự anh xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị hại chị Ng trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của anh D về trách nhiệm dân sự, về hình phạt chị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo tranh luận: Bị cáo biết mình sai thì bị cáo chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, do hoàn cảnh gia đình khó khăn để sớm được về đi làm để lo cho con nhỏ.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi cha mẹ bị cáo, xin lỗi bị hại. Do hành vi phạm tội của bị cáo làm tổn hại đến người thân trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận vào khoảng từ 00 giờ đến 02 giờ ngày 30/3/2022 bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị hại 02 lần tại Ấp Ch, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh gồm: 04 (bốn) máy dầu D6, một cục đe bằng gang, 02 càn căn xích, 01 hộp nhong bằng sắt và 60 kg sắt phế liệu với tổng trị giá: 11.050.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với những lời khai của bị cáo trước đây tại cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa như: Biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng từ 00 giờ đến 02 giờ ngày 30/3/2022 bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị hại 02 lần tại Ấp Ch, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh gồm: 04 (bốn) máy dầu D6, một cục đe bằng gang, 02 càn căn xích, 01 hộp nhong bằng sắt và 60 kg sắt phế liệu với tổng giá trị: 11.050.000 đồng, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp khi đã thành niên, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*".

Cho nên Cáo trạng số 25/CT-VKS-HS ngày 08/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, mục đích chiếm đoạt tài sản để tiêu xài cá nhân, hưởng lợi ích bất hợp pháp. Bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ sức khỏe, có nghề nghiệp đóng trần nhà, đáng lẽ ra bị cáo phải cố gắng làm nhằm tạo ra thu nhập để nuôi sống bản thân, nuôi con nhỏ và phụ giúp gia đình, bản thân bị cáo có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trong thời gian cai nghiện bị cáo đã được giáo dục nên bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, đáng lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân để sửa đổi sai lầm, tránh xa con đường vi phạm pháp luật nhưng ngược lại bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền mua đồ nghề để làm thuê và tiêu xài cá nhân nên bị cáo bất chấp pháp luật. Ngoài ra hành vi phạm tội của bị cáo còn gây ra tâm lý hoang mang trong quần chúng Nhân dân lo sợ việc tài sản bị trộm cắp làm cho quần chúng Nhân dân không an tâm lao động, sản xuất tạo nên sự bất ổn trong xã hội. Qua vụ án này cũng đề nghị mọi người cần đề cao cảnh giác, quản lý tài sản chặt chẽ hơn để tránh tài sản bị trộm cắp. Hiện nay địa bàn huyện Tiểu Cần tình hình trộm cắp tài sản có chiều hướng ngày một gia tăng về số lượng và có tính chất rất phức tạp. Để ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xét thấy cần thiết phải thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài thì mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm mới phát sinh.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Bị cáo có tình tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên; bị cáo có

nhân thân xấu. Mặc dù lần trộm cắp tài sản tại huyện Duyên Hải không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nhưng Hội đồng xét xử cũng xem xét để đánh giá nhân thân của bị cáo.

[4] Về tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo đang nuôi con nhỏ; bị cáo là người dân tộc thiểu số, xuất thân từ thành phần Nhân dân lao động nghèo, nên nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] Hội đồng xét xử đã thẩm tra về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Buộc bị cáo có nghĩa vụ giao trả 03 (ba) máy khoan tường bê tông, trong đó: 01 (một) máy khoan màu đỏ không có hiệu; 01 (một) máy khoan màu xanh dương hiệu Hyundai, 01 (một) máy khoan màu xanh đen hiệu BOSCH cho anh Lê Văn D và chị Ngô Thị Ng được quyền sở hữu.

Tịch thu vào ngân sách Nhà nước tài sản là phương tiện, công cụ do bị cáo dùng để phạm tội có giá trị gồm: 01 (một) xe mô tô, hiệu YAMAHA, kiểu Sirius, biển số 83L1 – 0875, màu đen, số khung 6308Y126678, số máy 5C63126678, do chị Nguyễn Thị Phượng H đứng tên trên giấy nhận đăng ký xe mô tô, xe máy; 01 (một) xe kéo tự chế loại 02 bánh (xe cẩm lô).

Tịch thu tiêu hủy tài sản là phương tiện, công cụ do bị cáo dùng để phạm tội nhưng không có giá trị gồm: 02 (hai) giỏ nhựa đan, trong đó: 01 (một) giỏ nhựa đan màu đỏ đen; 01 (một) giỏ nhựa đan màu xanh, vàng, đỏ; 02 (hai) sợi dây dù màu xanh; 01 (một) quần Jean màu xanh; 02 (hai) áo khoác nam, trong đó: 01 (một) áo khoác kaki màu đen, 01 (một) áo khoác dù màu đỏ nâu; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xám; 01 (một) nón kết màu đen.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.900.000 đồng, bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đề nghị xử lý đối với bị cáo là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Sơn Minh H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

1. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Sơn Minh H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/4/2022.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo có nghĩa vụ giao trả 03 (ba) máy khoan tường bê tông, trong đó: 01 (một) máy khoan màu đỏ, 01 (một) máy khoan màu xanh dương hiệu Hyundai, 01 (một) máy khoan màu xanh đen hiệu BOSCH cho anh Lê Văn D và chị Ngô Thị Ng được quyền sở hữu (*Do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần đang quản lý, nên sẽ do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần giao trả theo thủ tục xử lý vật chứng*).

Tịch thu vào ngân sách Nhà nước tài sản gồm: 01 (một) xe mô tô, hiệu YAMAHA, kiểu Sirius, biển số 83L1 – 0875, màu đen, số khung 6308Y126678, số máy 5C63126678, do chị Nguyễn Thị Phượng H đứng tên trên giấy nhận đăng ký xe mô tô, xe máy; 01 (một) xe kéo tự chế loại 02 bánh (xe cẩm lô).

Tịch thu tiêu hủy tài sản gồm: 02 (hai) giỏ nhựa đan, trong đó: 01 (một) giỏ nhựa đan màu đỏ đen; 01 (một) giỏ nhựa đan màu xanh, vàng, đỏ; 02 (hai) sợi dây dù màu xanh; 01 (một) quần Jean màu xanh; 02 (hai) áo khoác nam, trong đó: 01 (một) áo khoác kaki màu đen, 01 (một) áo khoác dù màu đỏ nâu; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xám; 01 (một) nón kết màu đen.

(*Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/7/2022 giữa Công an huyện Tiểu cần với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần*)

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 588, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho cho anh Lê Văn D và chị Ngô Thị Ng số tiền là 7.900.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Sơn Minh H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 395.000 đồng (*Ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Cơ quan cảnh sát điều tra và Cơ quan THAHS Công an huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã H;
- Bị cáo và các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân